

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/HNGĐ- ST

Ngày 01/7/2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng

2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký pH toà: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia pH toà: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở pH toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28/5/2019; quyết định hoãn pH toà số 20/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1988.

Trú tại: thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện S theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn V, xã S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Từ khoảng giữa năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr sử dụng ma túy đá, cỏ Mỹ... nên thường bị ngáo đá, ảo giác, từ đó dẫn đến thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Do sợ hãi nên từ cuối năm 2017 đến nay chị bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố Đ, thị trấn S sinh sống. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Bích Ph - sinh ngày 26/9/2015. Cháu Ph ở cùng chị từ bé đến nay, hiện tại do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019, bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh kết hôn với chị H từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Việc kết hôn có tổ chức cưới hỏi trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn V, xã S, huyện S. Khoảng từ giữa năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau. Sau đó không hiểu lý do vì sao chị H bế con bỏ nhà đi từ cuối năm 2017 đến nay. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhất trí ly hôn nhưng với điều kiện chị H phải về nhà anh để giải quyết, anh không đồng ý đến Tòa án giải quyết.

Về con chung: anh chị có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giao nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr. Giao cháu Nguyễn Bích Ph - sinh ngày 26/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các quan hệ về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị H và anh Tr kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Văn Tr đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Vườn Quan, xã S, huyện S. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa Ph nơi cư trú của anh Tr xác định: chị H và anh Tr kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn V, xã S, huyện S. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa Ph chứng kiến việc chị H và anh Tr thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một vài lần anh Tr đánh đập chị H, từ cuối năm 2017 đến nay không thấy chị H chung sống cùng anh Tr. Bản thân chị H và anh Tr đều xác định không còn tình cảm với nhau, anh Tr nhất trí ly hôn nhưng với yêu cầu chị H phải về nhà để giải quyết. Quá trình sống ly thân đã gần 02 năm nhưng cả hai anh chị đều xác định không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tr đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: chị H và anh Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Bích Ph - sinh ngày 26/9/2015. Từ khi sống ly thân (năm 2017) đến nay cháu Ph sống cùng chị H, hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập trung bình 3.000.000đ/ 1 tháng,

bản thân anh Tr không trình bày nguyện vọng nuôi con mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Chị H hiện đang làm lao động tự do (chăm sóc da, móng), thu nhập trung bình 6.000.000đ/ 1 tháng và có nguyện vọng được nuôi con. Tham vấn ý kiến của cán bộ chuyên trách về bảo vệ chăm sóc trẻ em tại địa Ph có ý kiến, do cháu Ph là con gái, quá trình phát triển về tâm sinh lý sẽ cần sự chăm sóc, chỉ bảo của người mẹ nhiều hơn, cháu Ph đã sống với mẹ từ bé, vì vậy nên giao cháu Ph cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị H là có căn cứ cần được chấp nhận. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Tr lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tr.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Tr không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Văn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bích Ph - sinh ngày 26/9/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm*

ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0000828 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn Tr không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/7/2019), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀ

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn

